

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN A**

**TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 82/2022/DS-ST

Ngày: 18/8/2022

V/v tranh chấp hui

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa pO tòa:* Bà Dương Hồng Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thùy Trang

2. Ông Nguyễn Trung Kiên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh V Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Hà Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 181/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Ông Nguyễn B, sinh năm 1956 và bà Uo Thị C, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*Có mặt*).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn ông Nguyễn B, bà Cao Thị C:* Luật sư bà Huỳnh Kim E, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 78, đường Ê, PĐ5 F, thành phố G, tỉnh Bạc Liêu (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1950 và bà Mã Thị I, sinh năm 1949. Cùng địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2021, đơn yêu cầu rút một phần khởi kiện và bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, đồng nguyên đơn ông Nguyễn B, bà Cao Thị C thống nhất trình bày:* Ông M1, bà C tổ chức chơi hui nhiều năm nay, tuy nhiên vài năm gần đây do tình hình sức khỏe của Ông M1, bà C không được tốt và một số hui viên đã hót hui nhưng không đóng tiền hui chết, làm cho việc gom hui không được thuận lợi nên tất cả các dây hui của Ông M1, bà C làm chủ hui đều bị đình hui. Sau khi đình hui, các hui viên còn phần hui sống sẽ không tiếp tục ăn thua với nhau. Tại mỗi dây hui, chủ hui tổ chức cho hui

viên bốc thăm một lần để biết số thứ tự của người tiếp theo được lĩnh phần hội gom từ những phần hội chết cho đến khi kết thúc. Ông M1, bà C sẽ có nghĩa vụ gom hội chết để giao lại cho hội viên theo thứ tự thăm bắt được.

Quá trình Ông M1, bà C tổ chức chơi hội thì vợ chồng bà I, ông H có tham gia chơi nhiều dây hội do Ông M1, bà C tổ chức, cụ thể:

Dây hội 1: Mở hội ngày 20/11/2015 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khui một lần, trị giá 3.000.000 đồng/01 phần hội, có 19 phần hội. Bà I, ông H tham gia chơi 01 phần hội (danh sách hội ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 15); bà I góp 02 lần khui hội với số tiền 3.600.000 đồng, đến kỳ khui hội thứ ba (ngày 20/7/2016 âm lịch) bà I để số tiền 1.650.000 đồng hốt 01 phần hội; các hội viên chưa hốt hội góp số tiền 1.350.000 đồng; bà I hốt được số tiền 27.600.000 đồng, có giấy giao tiền hội, bà I có ký tên. Sau khi hốt, bà I góp lại tiền hội chết được 07 lần khui hội; dây hội này khui được 10 kỳ thì đến ngày 20/3/2019 (âm lịch), Ông M1, bà C đã đình hội. Sau khi đình hội, Ông M1, bà C có đóng tiền hội chết cho bà Nguyễn Thị Hồng M; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu thay ông H, bà I 01 phần hội với số tiền hội chết là 3.000.000. Các hội viên tham gia chơi dây hội trên chưa hốt hội đã khởi kiện tại Tòa án và đã giải quyết xong để yêu cầu Ông M1, bà C trả cho họ số tiền hội thực đóng đã góp của 10 lần khui hội và tiền lãi suất từ khi đình hội đến khi giải quyết xong vụ án, gồm có: Ông Võ Văn N tham gia chơi 01 phần hội; ông Đặng Văn O tham gia chơi 01 phần hội; ông Trịnh Văn P tham gia chơi 01 phần hội; bà Lý Thị Q tham gia chơi 01 phần hội và ông Châu Văn R tham gia chơi 01 phần hội.

Hiện nay, ông H, bà I còn nợ Ông M1, bà C số tiền hội của dây hội nêu trên là 9.750.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm từ khi đình hội đến ngày xét xử sơ thẩm.

Dây hội 2: Mở hội ngày 20/02/2017 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khui một lần, trị giá 500.000 đồng/01 phần hội, có 44 phần hội. Bà I, ông H tham gia chơi 02 phần hội (danh sách hội ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 19, 20); bà I góp được 02 lần; đến kỳ khui hội thứ ba (ngày 20/5/2017 âm lịch) bà I để số tiền 300.000 đồng hốt 01 phần hội; các hội viên chưa hốt hội góp số tiền 200.000 đồng. Sau khi hốt, bà I góp tiền hội chết 03 lần với số tiền 1.500.000 đồng. Đến kỳ khui hội thứ bảy ngày 20/7/2017 (âm lịch), bà I để số tiền 300.000 đồng hốt 01 phần hội còn lại; các hội viên chưa hốt hội góp số tiền 200.000 đồng. Sau khi hốt hết 02 phần hội, bà I góp lại tiền hội chết 18 lần; dây hội này khui được 23 kỳ hội nhưng đến ngày 20/01/2019 (âm lịch) đã đình hội. Sau khi đình hội, bà I đóng thêm 05 lần hội chết đến ngày 20/5/2019 (âm lịch); còn lại 16 phần hội chưa hốt hội; đã 08 người tham gia chơi 12 chứng hội khởi kiện tại Tòa án và đã giải quyết xong để yêu cầu Ông M1, bà I trả số tiền hội thực đóng của họ và tiền lãi suất từ khi đình hội đến khi giải quyết xong vụ án; gồm có: Ông Võ Văn N tham gia chơi 01 phần hội; bà Ngô Thị S tham gia chơi 01 phần hội; ông Trịnh Văn P tham gia chơi 01 phần hội; bà Nguyễn Thị T tham gia chơi 01 phần hội; ông Phạm Hoàng U tham gia chơi 03 phần hội; ông Phạm Văn R tham gia chơi 01 phần hội; bà Phạm Thị V tham gia chơi 01 phần hội và bà Trịnh Thu W tham gia chơi 03 phần hội.

Bà C, Ông M1 trả tiền hội thay cho ông H, bà I cho ông Nguyễn Văn X (danh sách hội ghi tên Tám X); địa chỉ: Ấp Y, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia chơi 01 phần hội với số tiền hội chết là 12.000.000 đồng; trả tiền hội thay cho ông H, bà I cho ông Phạm Ngọc Z (danh sách hội ghi tên Z BL); địa chỉ: Đường A1, Khóm A2, PĐ5 B1, thành phố B2, tỉnh Bạc Liêu tham gia chơi 01 phần hội với số tiền hội thực đóng; trả tiền hội thay cho ông H, bà I cho bà Nguyễn Thị Ngọc B3 (danh sách hội ghi tên B3 BL); địa chỉ: Số 3/127, đường Lê Thị Hồng C1, khóm C2, pĐ5 C3, thành phố B2, tỉnh Bạc Liêu tham gia chơi 01 phần hội với số tiền hội thực đóng của 23 kỳ khai hội nhưng không nhớ trả bao nhiêu tiền, đã trả xong và trả số tiền hội thay cho ông H, bà I cho bà Cao Thị D2; địa chỉ: Ấp D1, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia chơi 01 phần hội với số tiền hội thực đóng của 23 kỳ khai hội nhưng không còn nhớ trả vào thời gian nào và trả bao nhiêu tiền hội; khi trả tiền hội cho bà Cao Thị D2 thì không có làm biên nhận gì. Tuy nhiên, Ông M1, bà C không có chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền hội thay cho ông H, bà I cho ông X, ông Z, bà B3 và bà D2 nên không yêu cầu ông H, bà I trả số tiền hội này.

Hiện nay, ông H, bà I còn nợ Ông M1, bà C số tiền hội của dây hội nêu trên là 4.800.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm từ khi đình hội đến ngày xét xử sơ thẩm.

Dây hội 3: Mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khai một lần, trị giá 10.000.000 đồng/01 chung hội, có 16 chung hội, bà I, ông H tham gia chơi 02 phần hội; dây hội khai được 06 lần hội, bà I để số tiền 5.000.000 đồng hót một phần hội vào kỳ khai thứ hai ngày 10/7/2017 (âm lịch); các hội viên chưa hót hội góp số tiền 5.000.000 đồng. Tiếp đến, bà I để số tiền 5.000.000 đồng hót 01 phần hội còn lại vào kỳ khai hội thứ sáu vào ngày 10/11/2018 (âm lịch); các hội viên chưa hót hội góp số tiền 5.000.000 đồng. Dây hội này đã đình hội vào 10/3/2019 (âm lịch). Các hội viên tham gia chơi dây hội trên có chưa hót hội đã khởi kiện tại Tòa án và đã được giải quyết xong để yêu cầu ông M, bà C trả cho họ số tiền hội thực đóng của 06 lần khai hội, gồm: Ông Huỳnh E1 D4 tham gia chơi 02 phần hội, ông Trịnh Văn P tham gia 01 phần hội, bà Nguyễn Thị T tham gia 01 phần hội, ông Nguyễn Vũ Đ1 tham gia chơi 01 phần hội, bà Nguyễn Thị Hồng Đ2 tham gia 01 phần hội, bà Bùi Thị Đ4 tham gia chơi 02 phần hội, bà Trịnh Thu W tham gia chơi 01 phần hội và bà Trần Thị Đ5 tham gia 01 phần hội.

Hiện nay, ông H, bà I còn nợ Ông M1, bà C số tiền hội của dây hội nêu trên là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm từ khi đình hội đến ngày xét xử sơ thẩm.

Dây hội 4: Mở hội ngày 30/8/2017 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khai một lần, trị giá 3.000.000 đồng/01 phần hội, có 16 phần hội. Bà I, ông H tham gia chơi 02 phần hội; bà I góp hội được 01 lần được số tiền 1.800.000 đồng; đến kỳ khai hội thứ hai (ngày 30/12/2017 âm lịch) bà I để số tiền 1.500.000 đồng hót 01 phần hội; các hội viên chưa hót hội góp số tiền 1.500.000 đồng. Sau khi hót, bà I góp tiền hội chết được 03 lần. Dây hội trên mãn vào ngày 30/8/2022 (âm lịch); dây hội khai được 05 lần thì đình hội vào ngày 30/12/2018 (âm lịch). Sau khi đình hội bà I đóng thêm 01 lần hội nữa. Hiện nay, có 08 hội viên chưa hót hội tham gia chơi 09 phần hội khởi kiện tại Tòa

án và đã giải quyết xong đề yêu cầu ông M1, bà C trả số tiền hội thực đóng của họ với số tiền 7.740.000 đồng; gồm có: Ông Võ Văn N tham gia chơi 01 phần hội; bà Nguyễn Thị Ngọc B3 tham gia chơi 01 phần hội; ông Châu Văn R tham gia chơi 01 phần hội; bà Bùi Thị Đ4 tham gia chơi 02 phần hội; ông Võ Văn E2 tham gia chơi 02 phần hội; bà Huỳnh Chúc Đ6 tham gia chơi 01 phần hội và bà Trịnh Thị Đ7 tham gia chơi 01 phần hội.

Còn lại ông Phạm Văn Đ8; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu có tham gia chơi 01 phần hội và Ông M1, bà C đã trả cho ông Phạm Văn Đ8 số tiền thực đóng là 7.740.000 đồng.

Hiện nay, ông H, bà I còn nợ Ông M1, bà C số tiền hội của dây hội nêu trên là 15.000.000 đồng tiền lãi suất 10%/năm từ khi đình hội đến ngày xét xử sơ thẩm.

Dây hội 5: Mở ngày 20/9/2017 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai hội một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 phần hội; dây hội có 44 phần hội, đã khai được 16 lần; bà I, ông H tham gia 02 phần hội nhưng đã bán hội lại cho người khác. Một phần hội bán cho ông Trịnh Văn P ở ấp Y, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; có giấy bán hội do ông Trịnh Văn P giữ, bán vào tháng 5 năm 2018 (âm lịch), 01 phần hội bán ông Phạm Ngọc Z; địa chỉ: Đường A1, Khóm A2, PĐ5 B1, thành phố B2, tỉnh Bạc Liêu. Khi bà I bán hội cho ông Phạm Ngọc Z có làm giấy tay, ông Phạm Ngọc Z giữ giấy. Sau khi bà I bán hội thì vẫn còn đóng tiền hội chết cho Ông M1, bà C đến tháng 5 năm 2019 (âm lịch). Phần hội ông Trịnh Văn P mua của bà I đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2020/DS-ST ngày 30/9/2020. Phần hội của ông Phạm Ngọc Z mua của bà I đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2021/DS-ST ngày 20/9/2021, Ông M1, bà C có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc Z số tiền hội là 22.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Dây hội nêu trên, ông H, bà I còn nợ Ông M1, bà C số tiền hội là 22.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi suất.

Dây hội 6: Mở hội ngày 20/4/2018 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khai một lần, trị giá 5.000.000 đồng/01 phần hội, có 14 phần hội. Bà I, ông H tham gia chơi 01 phần hội (danh sách hội ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 14); bà I góp hội được 01 lần khai hội với số tiền 3.000.000 đồng; đến kỳ khai hội thứ hai (ngày 20/8/2018 âm lịch) bà I để số tiền 2.500.000 đồng hót 01 phần hội. Sau khi hót, bà I góp tiền hội chết 01 lần được số tiền 5.000.000 đồng. Dây hội này khai được 03 lần. Dây hội trên mãi ngày 20/8/2021 (âm lịch), nhưng đến ngày 10/3/2019 (âm lịch) đã đình hội. Sau khi đình hội bà I đóng thêm 01 phần hội.

Hiện nay, 04 người tham gia chơi 06 phần hội khởi kiện tại Tòa án và đã giải quyết xong đề yêu cầu Ông M1, bà C trả cho họ số tiền hội thực đóng của 03 lần khai với số tiền 8.000.000 đồng; gồm có: Bà Ngô Thị S tham gia 01 phần hội; bà Bùi Thị Đ4 tham gia chơi 03 phần hội; ông Đặng Văn Đ9 tham gia 01 phần hội và bà Nguyễn Thị T tham gia 01 phần hội.

Còn lại ông Nguyễn Văn E1 (con của bà Mã Thị I); địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia chơi 01 phần hụi và Ông M1, bà C đã trả tiền hụi thay cho ông H, bà I cho ông Nguyễn Văn E1 nhận số tiền là 15.000.000 đồng; ông Võ Văn E2; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia chơi 01 phần hụi; ông M1, bà C đã trả tiền hụi thay cho ông H, bà I cho ông Võ Văn E2 nhận số tiền là 8.000.000 đồng; ông Nguyễn Hải E3; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia chơi 01 phần hụi; ông M1, bà C đã trả tiền hụi thay cho ông H, bà I cho ông Nguyễn Hải E1 nhận số tiền là 8.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ông M1 chơi tham chơi 01 hụi chung hụi và yêu cầu trả tiền lãi suất.

Hiện nay, ông H, bà I còn nợ Ông M1, bà C số tiền hụi của dây hụi nêu trên là 25.000.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm từ khi đình hụi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nay Ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả cho Ông M1, bà I tổng số tiền hụi của 06 dây hụi nêu trên và tiền lãi suất là 224.138.408 đồng; trong đó: Tiền hụi thực đóng là 176.550.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 20/3/2019 (âm lịch) đến nay ngày 18/8/2022 theo mức lãi suất quy định của pháp luật của số tiền hụi gốc là 139.170.000 đồng x 0,83%/tháng x 41 tháng 01 ngày = 47.588.408 đồng; còn lại số tiền hụi gốc 37.380.000 đồng thì Ông M1, bà C không yêu cầu ông H và bà I trả tiền lãi suất do các hụi viên không yêu cầu Ông M1, bà C trả tiền lãi suất. Đồng thời, Ông M1, bà C yêu cầu Tòa án cho Ông M1, bà C được rút yêu cầu khởi kiện đối với ông H, bà I của 03 dây hụi gồm dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/02/2016 (âm lịch), dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch) và dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10/01/2018 (âm lịch).

*Đối với ý kiến trình bày của đồng bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Mã Thị I:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành tổng đạt thông tin thụ lý vụ án, thông tin báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, thông tin báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa hợp lệ cho ông H, bà I. Nhưng ông H hoàn toàn vắng mặt không có lý do, không gửi bất kỳ tài liệu, chứng cứ, ý kiến cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Ông M1, bà C. Riêng bà I có đến Tòa án để trình bày ý kiến cụ thể vợ chồng ông H, bà I có tham gia nhiều dây hụi do Ông M1 và bà C làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Mở hụi ngày 20/11/2015 (âm lịch), loại hụi mùa, 04 tháng khui một lần, trị giá 3.000.000 đồng/01 phần hụi, có 19 phần hụi; bà I, ông H tham gia chơi 02 phần hụi (danh sách hụi ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 15, 16). Do thời gian tham gia chơi hụi của Ông M1, bà C cũng đã lâu nên bà I không còn nhớ số tiền thực đóng và cũng không nhớ hốt hụi kỳ thứ mấy nữa; bà I chỉ nhớ để số tiền 1.650.000 đồng hốt 01 phần hụi; Ông M1, bà C giao cho bà I nhận được số tiền hụi 27.600.000 đồng vào ngày 07/8/2016 (âm lịch), có làm biên nhận có chữ ký của bà I. Sau khi hốt, bà I góp lại tiền hụi chết cho Ông M1, bà C bao nhiêu tiền hụi thì bà I cũng không nhớ; chỉ nhớ góp tiền hụi Ông M1, bà C đến tháng 7/2019 (âm lịch), tổng cộng được 12 phần hụi với tổng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ. Khi tham gia chơi hụi, Ông M1, bà C có

đưa cho bà I danh sách có tên những người tham gia chơi hội cùng. Bà I không nhớ Ông M1, bà C đình hội vào thời gian nào nhưng sau khi đình hội Ông M1, bà C vẫn đến gom tiền hội chết của bà I. Hiện nay, bà I và ông H còn nợ Ông M1, bà C 04 kỳ khai hội với tổng số tiền hội chết là 12.000.000 đồng. Đối với 01 phần hội bà I, ông H chưa hốt hội thì hai bên đã thống nhất trừ lẫn với nhau.

Dây 2: Mở ngày 25/02/2016 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 500.000 đồng/01 phần hội, có 44 phần hội. bà I, ông H tham gia chơi 02 phần hội (danh sách hội ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 42, 43). Do thời gian tham gia chơi hội của Ông M1, bà C cũng đã lâu nên bà I không nhớ số tiền thực đóng và cũng không nhớ hốt hội kỳ thứ mấy nữa. Bà I chỉ nhớ đã hốt hết 02 phần hội nhưng không nhớ đề số tiền bao nhiêu hốt 02 phần hội; Ông M1, bà C giao cho bà I nhận đủ số tiền hội đã hốt của 02 phần hội nhưng số tiền hội bao nhiêu thì bà I không nhớ. Sau khi hốt, bà I góp lại tiền hội chết cho Ông M1, bà C bao nhiêu tiền hội thì cũng không nhớ; chỉ nhớ đóng tiền hội cho Ông M1, bà C đến tháng 7/2019 (âm lịch), tổng cộng được 42 phần hội với tổng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ. Khi tham gia chơi hội, Ông M1, bà C có đưa cho bà I danh sách có tên những người tham gia chơi hội cùng với bà I. Hiện nay, bà I và ông H còn nợ Ông M1, bà C 02 kỳ mở hội với tổng số tiền hội chết là 2.000.000 đồng. Bà I cũng không nhớ thông tin gì khác ngoài nội dung đã cung cấp.

Dây 3: Mở hội ngày 30/10/2016 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 phần hội. Do thời gian tham gia chơi hội của ông M1, bà C cũng đã lâu và dây hội này đã mất nên bà I không nhớ số tiền thực đóng và cũng không nhớ hốt hội kỳ thứ mấy nữa. Hiện nay, bà I, ông H không còn nợ tiền hội của ông M1, bà C.

Dây 4: Mở hội ngày 20/02/2017 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 500.000 đồng/01 phần hội, có 40 phần hội; bà I, ông H tham gia chơi 02 phần hội (danh sách hội ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 19, 20). Do thời gian tham gia chơi hội của ông M1, bà C cũng đã lâu nên bà I không nhớ số tiền thực đóng và cũng không nhớ hốt hội kỳ thứ mấy nữa. Bà I chỉ nhớ đã hốt hết 02 phần hội nhưng không nhớ đề số tiền bao nhiêu hốt 02 phần hội; ông M1, bà C giao cho bà I nhận đủ số tiền hội đã hốt 02 phần hội nhưng số tiền hội bao nhiêu thì bà I không nhớ. Sau khi hốt, bà I, ông H góp lại tiền hội chết cho ông M1, bà C bao nhiêu tiền hội thì bà I cũng không nhớ; chỉ nhớ đóng tiền hội cho ông M1, bà C đến ngày 20/7/2019 (âm lịch), tổng cộng được 30 phần hội với tổng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ. Hiện nay, bà I, ông H còn nợ ông M1, bà C 10 kỳ khai hội với tổng số tiền hội chết là 10.000.000 đồng.

Dây 5: Hội mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), mệnh giá 10.000.000 đồng, bốn tháng khai một lần. Ông H, bà I tham gia chơi 02 phần hội, đã hốt xong, hiện chưa mất hội. Sau khi hốt hội bà I đã đóng tiền hội chết đến hết kỳ tháng 7/2019 (âm lịch) thì ngưng đóng cho đến nay. Hiện nay, bà I, ông H còn nợ ông M1, bà C 13 kỳ khai hội của 02 phần hội. Bà I cũng không nhớ thông tin gì khác ngoài nội dung đã cung cấp.

Dây 6: Mở hội ngày 30/8/2017 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khai một lần, trị giá 3.000.000 đồng/01 phần hội. Bà I tham gia chơi 02 phần hội, đã hốt 1 phần hội,

bỏ thăm một 01 phần hụi nhưng bà I không còn nhớ hót ngày nào, kỳ nào, bỏ số tiền bao nhiêu. Do dây hụi này, bà I không còn giữ giấy hụi nên không theo dõi được, bà I không tin vào giấy hụi do ông M1, bà C cung cấp. Bà I nhớ dây hụi này đã đóng hụi chết đến hết tháng 7/2019 (âm lịch).

Dây 7: Hụi mở ngày 20/9/2017 (âm lịch), mệnh giá 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 phần hụi, có 44 phần hụi; bà I, ông H tham gia chơi 02 phần hụi (danh sách hụi ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 38, 43). Do thời gian tham gia chơi hụi của ông M1, bà C cũng đã lâu nên bà I không nhớ số tiền thực đóng, cũng không nhớ hót hụi kỳ thứ mấy nữa; bà I chỉ nhớ đã hót 02 phần hụi nhưng không nhớ để số tiền bao nhiêu hót phần hụi; ông M1, bà C giao cho bà I nhận đủ số tiền hụi đã hót của 02 phần hụi nhưng số tiền hụi bao nhiêu thì không nhớ. Sau khi hót, bà I, ông H đã góp lại tiền hụi chết cho ông M1, bà C bao nhiêu tiền hụi thì cũng không nhớ. Bà I chỉ nhớ đóng tiền hụi cho ông M1, bà C tháng 7/2019 (âm lịch), tổng cộng được 24 phần hụi với tổng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ. Hiện nay, bà I, ông H còn nợ ông M1, bà C 20 kỳ khui hụi với tổng số tiền hụi chết là 40.000.000 đồng.

Dây 8: Mở ngày 10/01/2018 (âm lịch), loại hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 phần hụi, có 32 phần hụi. Bà I tham gia chơi 02 phần hụi (danh sách hụi ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 25, 26). Do thời gian tham gia chơi hụi của ông M1, bà C cũng đã lâu nên không nhớ số tiền thực đóng và cũng không nhớ hót hụi kỳ thứ mấy nữa. Bà I chỉ nhớ đã hót 02 phần hụi nhưng không nhớ để số tiền bao nhiêu hót phần hụi; ông M1, bà C giao cho bà I nhận đủ số tiền hụi đã hót của 02 phần hụi nhưng số tiền hụi bao nhiêu thì không nhớ. Sau khi hót, bà I, ông H góp lại tiền hụi chết cho ông M1, bà C bao nhiêu tiền hụi thì cũng không nhớ. Bà I chỉ nhớ đóng tiền hụi cho ông M1, bà C tháng 7/2019 (âm lịch), tổng cộng được 19 phần hụi với tổng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ. Hiện nay, bà I, ông H còn nợ ông M1, bà C 13 kỳ mở hụi với tổng số tiền hụi chết là 26.000.000 đồng.

Dây 9: Mở hụi ngày 20/4/2018 (âm lịch), loại hụi mùa, 04 tháng khui một lần, trị giá 5.000.000 đồng/01 phần hụi, có 14 phần hụi; bà I, ông H tham gia chơi 01 phần hụi (danh sách hụi ghi tên Chế Tư I số thứ tự số 14). Do thời gian tham gia chơi hụi của ông M1, bà C cũng đã lâu nên không còn nhớ số tiền thực đóng và cũng không nhớ hót hụi kỳ thứ mấy nữa. Bà I chỉ nhớ đã hót 01 phần hụi nhưng bà I không nhớ để số tiền bao nhiêu hót phần hụi; ông M1, bà C giao cho bà I nhận đủ số tiền hụi đã hót của 01 phần hụi nhưng số tiền hụi bao nhiêu thì không nhớ. Sau khi hót, bà I, ông H góp lại tiền hụi chết cho ông M1, bà C bao nhiêu tiền hụi thì cũng không nhớ. Bà I chỉ nhớ đóng tiền hụi chết cho ông M1, bà C tháng 7/2019 (âm lịch), tổng cộng được 04 phần hụi với tổng số tiền cụ thể bao nhiêu thì không nhớ. Hiện nay, bà I, ông H còn nợ ông M1, bà C 10 kỳ khui hụi với tổng số tiền hụi chết là 50.000.000 đồng.

Nay bà I, ông H chỉ đồng ý trả tiền hụi ông M1, bà C số tiền hụi thực lãnh của 09 dây hụi nêu trên nhưng bà I, ông H không đồng ý trả tiền lãi suất cho ông M1 và bà C.

Tại pO tòa, ông M1, bà C yêu cầu Tòa án cho ông M1, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả số tiền hui 3.000.000 đồng đã trả thay cho ông H, bà I cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ2 của dây hui mùa 3.000.000 đồng mở ngày 20/11/2015 (âm lịch) và rút yêu cầu đối với ông H, bà I của dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/9/2017 (âm lịch). Ông M1, bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ông M1, bà C chỉ yêu cầu ông H, bà I trả tiền lãi suất của 05 dây hui nêu trên theo số tiền lãi suất buộc ông M1, bà C phải trả cho các hui viên chưa hốt hui tại các quyết định, bản án đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân huyện A. Đối với số tiền của ông M1, bà C đã trả thay cho ông H, bà I cho các hui viên không theo bản án, quyết định của Tòa án nhân dân huyện A thì ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả số tiền hui thực đóng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Tại bản luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn ông Nguyễn B, bà Cao Thị C là Luật sư Huỳnh Kim Đ có ý kiến:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 468, 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 10/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, pĐ5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B, bà Cao Thị C đối với ông Nguyễn Văn H, bà Mã Thị I. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Mã Thị I có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn B, bà Cao Thị C tổng số tiền hui gốc và lãi suất là 224.138.408 đồng.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện P chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với các dây hui mà ông M1, bà C đã rút yêu cầu với ông H, bà I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I. Buộc ông H, bà I phải trả cho ông M1, bà C tổng tiền hui và tiền lãi suất là 170.860.243 đồng; trong đó: Tiền hui gốc là 146.550.000 đồng và tiền lãi suất là 24.310.243 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I về việc yêu cầu E1 toán số tiền nợ hui là 5.000.000 đồng. Ông H, bà I phải chịu án phí với số tiền 8.543.012 đồng. Ông M1 và bà C được miễn án phí do người cao tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Ông M1, bà C khởi kiện ông H, bà I yêu cầu E1 toán tiền nợ hui nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H, bà I có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc

Liều thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn ông M1, bà C là Luật sư bà Huỳnh Kim Đ, đồng bị đơn ông H, bà I đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông H, bà I vắng mặt không có lý do; bà Đ vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Kể từ khi thụ lý đến nay, ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của đồng nguyên đơn, ông H, bà I cũng không đặt ra yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ, ông H, bà I đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông H và bà I theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, ông M1, bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H, bà I về việc yêu cầu ông H, bà I trả số tiền lãi suất của dây hui mùa 3.000.000 đồng mở ngày 20/11/2015 (âm lịch), dây hui tháng 500.000 đồng mở ngày 20/02/2017 (âm lịch), dây hui mùa 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), dây hui mùa 3.000.000 đồng mở ngày 30/8/2017 (âm lịch) và dây hui mùa 5.000.000 đồng mở ngày 20/4/2018 (âm lịch) theo số tiền lãi suất tại các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Ông M1, bà C yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc ông M1, bà C đã trả thay cho ông H, bà I cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ2 số tiền hui là 3.000.000 đồng của dây hui mùa 3.000.000 đồng mở ngày 20/11/2015 (âm lịch); rút yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I về việc yêu cầu ông H, bà I trả số tiền hui 46.645.000 của dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/02/2016 (âm lịch), dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10/01/2018 (âm lịch) và dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/9/2017 (âm lịch). Xét thấy, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I nêu trên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I của 05 dây hui nêu trên.

[5] Bà I thừa nhận có tham gia chơi dây hui mùa 3.000.000 đồng mở ngày 20/11/2015 (âm lịch); dây hui tháng 500.000 đồng mở ngày 20/02/2017 (âm lịch); dây hui mùa 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 (âm lịch); dây hui mùa 3.000.000 đồng mở ngày 30/8/2017 (âm lịch) và dây hui mùa 5.000.000 đồng mở ngày 20/4/2018 (âm lịch). Đây là tình tiết, sự kiện được bà I thừa nhận nên ông M1, bà C không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông M1, bà C với bà I trình bày có nhiều mâu thuẫn với nhau về tổng phần hui trong một dây hui, thời gian hót hui, số lần đóng hui chết của mỗi dây hui, việc đóng hui thay của chủ hui đối với ông H, bà I nên ông H và bà I không đồng ý E1 toán số tiền hui như ông M1 và bà C trình bày. Do vậy, ông M1 và bà C phải có nghĩa vụ chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I.

[5.1] Đối với dây hui mở ngày 20/11/2015 (âm lịch), mệnh giá 3.000.000 đồng. Ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả cho ông M1, bà C số tiền hui thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hui viên chưa hót là 6.750.000 đồng. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 22/2020/QĐST-DS ngày 14/7/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2021/QĐST-DS ngày 08/01/2021, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 26/01/2021, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST-DS ngày 09/02/2021 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã buộc ông M1, bà C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hui thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hui viên chưa hót của dây nêu trên là 6.750.000 đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông H, bà I có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông M1, bà C số tiền hui thực đóng là 6.750.000 đồng.

[5.2] Đối với dây hui mở ngày 20/02/2017 (âm lịch), mệnh giá 500.000 đồng. Ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả cho ông M1, bà C số tiền hui thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hui viên chưa hót là 4.800.000 đồng. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 22/2020/QĐST-DS ngày 14/7/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2020/QĐST-DS ngày 19/11/2020, Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 25/6/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2020/QĐST-DS ngày 11/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2020/QĐST-DS ngày 21/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2021/QĐST-DS ngày 08/01/2021, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 26/01/2021, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST-DS ngày 09/02/2021, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã buộc ông M1, bà C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hui thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hui viên chưa hót của dây nêu trên là 4.800.000 đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông H, bà I có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông M1, bà C số tiền thực đóng là 4.800.000 đồng.

[5.3] Đối với dây hui mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), mệnh giá 10.000.000 đồng. Ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả cho ông M1, bà C số tiền hui thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hui viên chưa hót là 100.000.000 đồng. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 25/6/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 22/2020/QĐST-DS ngày 14/7/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2020/QĐST-DS ngày 19/11/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2020/QĐST-DS ngày 11/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2020/QĐST-DS ngày 15/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2020/QĐST-DS ngày 15/12/2020, Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 08/2022/QĐCNHGT-DS ngày

07/02/2022 và Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 69/2022/QĐCNHGT-DS ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã buộc ông M1, bà C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hội thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hội viên chưa hết của dây nêu trên là 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông H, bà I có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông M1, bà C số tiền thực đóng của dây hội nêu trên là 100.000.000 đồng.

[5.4] Đối với dây hội mở ngày 30/8/2017 (âm lịch), mệnh giá 3.000.000 đồng. Ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả cho ông M1, bà C số tiền hội thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hội viên chưa hết là 15.000.000 đồng. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2020/QĐST-DS ngày 11/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2020/QĐST-DS ngày 15/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2020/QĐST-DS ngày 21/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 26/01/2021, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 15/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021, Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2021/DS-ST ngày 20/12/2021, Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 và Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 20/2022/QĐCNHGT-DS ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã buộc ông M1, bà C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hội thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hội viên chưa hết của dây nêu trên là 13.500.000 đồng và ông Phạm Văn Đ8 thừa nhận ông M1, bà C đã trả cho ông Phạm Văn Đ8 số tiền hội thực đóng 7.740.000 đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông H, bà I có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông M1, bà C số tiền thực đóng của dây hội nêu trên là 15.000.000 đồng.

[5.6] Đối với dây hội mở ngày 20/4/2018 (âm lịch), mệnh giá 5.000.000 đồng. Ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I trả cho ông M1, bà C số tiền hội thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hội viên chưa hết là 25.000.000 đồng. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 46/2020/QĐST-DS ngày 11/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2020/QĐST-DS ngày 15/12/2020, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 55/2020/QĐST-DS ngày 21/12/2020 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2021/QĐST-DS ngày 18/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã buộc ông M1, bà C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hội thực đóng thay cho ông H, bà I cho các hội viên chưa hết của dây nêu trên là 15.000.000 đồng; ông Đăng, ông E2 đã thừa nhận ông M1, bà C trả cho ông Đăng và ông E2 số tiền hội thực đóng là 8.000.000 đồng. Ông M1, bà C cho rằng đã trả tiền hội chết thay cho bà I, ông H cho ông Nguyễn Văn E1 là 15.000.000 đồng nhưng hiện nay ông E1 đã bỏ địa phương đi làm, không làm việc được nên không có căn cứ xác định việc ông M1, bà C đã trả tiền hội chết thay cho ông H, bà I cho ông E1. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ buộc ông H, bà I có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông M1, bà C số tiền hội thực đóng của dây hội nêu trên là 20.000.000 đồng.

[6] Xét thấy, các dây hui do ông M1, bà C làm chủ là hui có lãi, việc giao dịch hui đã đình hui. Sau khi các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực, đã xác định được nghĩa vụ trả tiền hui thực đóng và tiền lãi suất của ông M1 và bà C thay cho ông H, bà I đối với các hui viên chưa hót hui từ khi đình hui cho đến ngày giải quyết xong vụ án của các hui viên chưa hót hui. Tại pO tòa, ông M1, bà C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I về việc yêu cầu tính lãi suất của ông M1, bà C đối với ông H, bà I tiền lãi suất từ ngày 20/3/2019 (âm lịch) đến nay ngày 18/8/2022 theo mức lãi suất quy định của pháp luật của số tiền hui gốc là 139.170.000 đồng  $\times 0,83\%/tháng \times 41 tháng 01 ngày = 47.588.408$  đồng; mà nay ông M1, bà C chỉ yêu cầu ông H, bà I trả tiền lãi suất theo các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực. Tại các bản án và quyết định của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu nêu trên đã buộc ông M1, bà C có nghĩa vụ trả số tiền lãi suất thay cho ông H, bà I cho các hui viên chưa hót của các dây hui nêu trên là 24.310.243 đồng nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông H, bà I có nghĩa vụ trả lại cho ông M1, bà C số tiền lãi suất của các dây hui nêu trên theo các quyết định, bản án là 24.310.243 đồng.

[7] Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C đối với ông H, bà I; buộc ông H, bà I có nghĩa vụ trả cho ông M1, bà C số tiền hui gốc và tiền lãi suất là 170.860.243 đồng; trong đó: Tiền hui thực đóng là 146.550.000 và tiền lãi suất là 24.310.243 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C yêu cầu ông H, bà I E1 toán số tiền hui là 5.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông M1, bà C được chấp nhận một phần, nên ông H, bà I phải chịu án phí đối với số tiền có trách nhiệm E1 toán là 170.860.243 đồng  $\times 5\% = 8.543.012$  đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mặc dù, ông H, bà I có đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này, nhưng ông H, bà I không làm đơn yêu cầu được miễn án phí theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông M1, bà C không được chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền 5.000.000 đồng  $\times 5\% = 250.000$  đồng. Tuy nhiên, ông M1, bà C là người Uo tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn nộp toàn bộ án phí cho ông M1, bà C theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3, khoản 5 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 15, khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hộ, Hội, Biều, PD5; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B và bà Cao Thị C đối với ông Nguyễn Văn H và bà Mã Thị I về việc tranh chấp hội.

**2.** Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Mã Thị I có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn B, bà Cao Thị C tổng số tiền hội là 170.860.243 đồng (Một trăm bảy mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng); trong đó: Tiền hội gốc là 146.550.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi suất là 24.310.243 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm mười nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng).

**3.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B, bà Cao Thị C đối với ông Nguyễn Văn H, bà Mã Thị I về việc yêu cầu E1 toán số tiền hội 49.645.000 đồng (Bốn mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) của các dây hội mùa 3.000.000 đồng mở ngày 20/11/2015 (âm lịch), dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/02/2016 (âm lịch), dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10/01/2018 (âm lịch) và dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/9/2017 (âm lịch).

**4.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn B, bà Cao Thị C đối với ông Nguyễn Văn H, bà Mã Thị I về việc yêu cầu E1 toán số tiền nợ hội là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

**5.** Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**6.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Nguyễn B, bà Cao Thị C. Ông Nguyễn Văn H, bà Mã Thị I phải nộp 8.543.012 đồng (Tám triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

**7.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**8. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng R hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Dương Hồng Chi**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa pO tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Dương Hồng Đ4**